

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XXIII

Phẩm 10: BỒ TÁT QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO QUÝ ĐỨC VƯƠNG 3

Lại nữa, này thiện nam! Tất cả phàm phu dù khéo giữ gìn thân tâm nhưng vẫn còn sinh ba thứ ý tưởng ác. Vì lý do này, nên tuy đã đoạn trừ phiền não, được sinh vào cõi Phi tưởng, phi phi tưởng mà vẫn còn trở lại đọa vào ba đường ác. Này thiện nam! Ví như có người vượt qua biển cả, sắp đến bờ bên kia mà bị chết đuối, kẻ phàm phu cũng như vậy, sắp ra khỏi ba cõi mà vẫn còn trở lại đọa vào ba đường ác. Vì sao? Vì không có ý tưởng thiện. Những gì là ý tưởng thiện? Đó là sáu niệm xứ. Hàng phàm phu tâm thiện yếu kém, tâm bất thiện mạnh mẽ. Vì tâm thiện yếu cho nên tâm tuệ cũng kém, vì tâm tuệ kém nên các lậu tăng trưởng. Đại Bồ-tát dùng mắt tuệ thanh tịnh thấy lỗi của ba thứ ý tưởng, biết ba thứ ý tưởng này có nhiều tai họa, thường cùng với chúng sinh tạo nên oán kết đối với ba thừa. Do ba thứ ý tưởng này khiến cho vô lượng chúng sinh phàm phu không thấy được Phật tánh, ở trong vô lượng kiếp sinh tâm điên đảo, cho rằng: Phật Thế Tôn không có thường, lạc, ngã chỉ có tịnh, Như Lai nhập Niết-bàn vĩnh viễn. Tất cả chúng sinh là không thường, không lạc, không ngã, không tịnh. Thật không có ba thừa nhưng do tâm điên đảo nên nói có ba thừa. Đạo nhất thật chân thật không hư, do tâm điên đảo nên cho là không có nhất thật.

Ba thứ ý tưởng ác này thường bị chư Phật và Bồ-tát quở trách. Ba thức ý tưởng ác này thường hại mình và cũng hại người khác. Có ba thứ ý tưởng này thì thường sinh ra tất cả đều ác. Ba thứ ý tưởng này tức là ba sợi dây ràng buộc chúng sinh trong sinh tử vô biên. Đại

Bồ-tát thường quán sát ba thứ ý tưởng này như vậy, hoặc lúc có nhân duyên đáng lẽ sinh ý tưởng dục, Bồ-tát yên lặng chẳng thọ nhận. Ví như người đẹp đẽ trong sạch chẳng nhận lấy tất cả phân dơ bất tịnh, như hòn sắt nóng thì không ai cầm lấy, như dòng Bà-la-môn không nhận thịt bò, như người no đủ không nhận thức ăn dở, như vua Chuyển luân không cùng với tất cả Chiên-đà-la ngồi chung một giường. Đại Bồ-tát khinh ghét ba ý tưởng ác, không nhận, không tham cũng như vậy. Vì sao? Bồ-tát suy nghĩ: Chúng sinh biết ta là ruộng phước lành, nên ta làm sao thọ nhận pháp ác này, nếu thọ nhận ý tưởng ác thì không thể làm ruộng phước của chúng sinh. Ta không tự cho mình là ruộng phước lành, chúng sinh thấy tướng liền nói ta là ruộng phước. Nay nếu ta khởi ý tưởng ác như vậy là dối gạt tất cả chúng sinh. Khi xưa ta vì dối gạt nên ở trong vô lượng kiếp bị lưu chuyển trong sinh tử, đọa vào ba đường ác. Nếu ta đem tâm ác thọ lãnh của tín thí thì tất cả hàng trời, người và Tiên nhân chứng năm thông đều thấy biết rõ và sẽ quả trách. Nếu ta dùng ý tưởng ác mà thọ nhận của tín thí thì khiến cho quả báo của thí chủ kém đi hoặc không còn quả báo. Nếu ta dùng tâm ác thọ dụng của đàn-việt tín thí thì ta sẽ là kẻ oán thù của thí chủ. Tất cả thí chủ thường đối với ta tưởng như con đò, sao ta lại khinh dối họ mà sinh tưởng oán thù. Vì sao? Vì ta khiến cho thí chủ không được quả báo hoặc quả báo ít ỏi. Ta thường tự xưng là người xuất gia. Hễ là người xuất gia thì không sinh tâm ác, nếu sinh tâm ác thì chẳng phải là người xuất gia. Người xuất gia thân, miệng phải hợp nhau, nếu không hợp thì không phải là xuất gia. Ta đã bỏ cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, bạn bè xuất gia tu đạo, chính là đang tu tập các ý tưởng thiện, chẳng phải là lúc thực hành ý tưởng bất thiện. Ví như có người vào trong biển để tìm châu báu mà chẳng lấy châu báu, chỉ lấy thủy tinh. Cũng như có người bỏ âm nhạc hay mà đùa giỡn trên đồng phân dơ, như bỏ người con gái cao quý mà tư thông với đứa trẻ gái. Như bỏ đồ đựng vàng mà dùng chậu sành, như bỏ cam lồ mà uống thuốc độc, như bỏ thầy thuốc tài giỏi kinh nghiệm quen thân mà theo thầy thuốc dở, kẻ oán thù, để tìm thuốc uống. Ta cũng như vậy, lìa bỏ vị pháp cam lồ của Đại sư Như Lai Thế Tôn mà uống các thứ ý tưởng ác của

ma oán. Thân người khó được như hoa Ưu-đàm, nay ta đã được. Như Lai khó gặp như hoa Ưu-đàm mà ta đã gặp. Pháp báu thanh tịnh khó được nghe, nay ta đã được nghe, như con rùa mù gặp được bông cây nổi. Mạng người không dừng, qua mau như thác nước đổ, ngày nay tuy tồn tại, ngày mai khó giữ gìn, thì vì sao buông tâm khiến ở nơi pháp ác. Tuổi trẻ không dừng, giống như ngựa chạy, thì vì sao ỷ lại mà sinh tâm kiêu mạn. Giống như quỷ ác rình tìm lỗi người, quỷ ác bốn đại cũng như vậy, thường rình tìm lỗi của ta, vậy tại sao ta lại làm cho ý tưởng ác sinh khởi. Ví như nhà mục nát sắp sập đổ, mạng sống của ta cũng như vậy, thì tại sao lại sinh tâm ác. Ta là Sa-môn, người Sa-môn gọi là giác ngộ ý tưởng thiện, nay ta khởi ý tưởng bất thiện thì sao được gọi là Sa-môn! Ta là người xuất gia, người xuất gia là tu theo con đường lành, nay ta làm ác đâu đáng gọi là xuất gia! Nay ta là Bà-la-môn chân chánh, Bà-la-môn là người tu hạnh thanh tịnh, nay ta thực hành ý tưởng ác, bất tịnh, sao được gọi là Bà-la-môn! Nay ta là dòng họ lớn Sát-đế-lợi, dòng họ Sát-đế-lợi có thể diệt trừ oán địch, nay ta không thể diệt trừ oán địch ác, sao có thể được gọi là dòng Sát-đế-lợi! Ta là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo là phá trừ phiền não, nay ta chẳng phá trừ ý tưởng ác phiền não, thì đâu đáng gọi là Tỳ-kheo! Thế gian có sáu việc khó gặp, nay ta gặp được, thì sao lại khiến cho ý tưởng ác ở trong tâm? Những gì là sáu việc? Một là Phật ra đời khó gặp. Hai là chánh pháp khó được nghe. Ba là tâm thiện khó sinh khởi. Bốn là khó sinh vào quốc gia văn minh. Năm là khó được thân người. Sáu là các căn khó đủ. Sáu việc như vậy khó được mà ta đã được, vì thế chẳng nên sinh khởi ý tưởng ác. Bấy giờ, Bồ-tát tu hành kinh Đại Niết-bàn như vậy thường siêng năng quán sát các tâm ác. Tất cả phàm phu không thấy lỗi lầm, hoạn nạn của tâm ác nên thọ nhận ba ý tưởng ác gọi là thọ nhận lậu hoặc. Bồ-tát thấy rõ nên không thọ nhận, không chấp giữ, buông bỏ không giữ gìn, nương vào tám Thánh đạo để suy xét dứt bỏ, đoạn trừ. Vì thế, Bồ-tát không thọ nhận lậu hoặc thì sao lại nói Như Lai hữu lậu? Do nghĩa này nên Như Lai Thế Tôn chẳng phải là hữu lậu.

Lại nữa, này thiện nam! Hàng phàm phu nếu gặp lúc thân tâm khổ não, khởi đủ thứ ác, hoặc thân bị bệnh, hoặc tâm bị bệnh, thì

làm cho thân, miệng, ý tạo đủ thứ ác, vì làm ác cho nên luân hồi trong ba cõi chịu đủ các khổ. Vì sao? Vì hàng phàm phu không có niệm tuệ cho nên sinh ra đủ thứ các lậu hoặc, đó gọi là niệm lậu. Đại Bồ-tát thường suy nghĩ: Ta từ xưa vô số kiếp đến nay, vì thân tâm này ta đã tạo đủ thứ ác, do nhân duyên này nên lưu chuyển trong sinh tử, ở trong ba đường ác, chịu đủ các khổ, lại khiến ta xa lìa con đường chân chánh của ba thừa. Bồ-tát vì nhân duyên ác này nên đối với thân tâm mình rất sợ hãi, xa lìa các điều ác, hướng đến con đường lành. Nay thiện nam! Ví như có vua đem bốn con rắn độc đựng trong cái hòm, rồi ra lệnh cho người nuôi dưỡng cho ăn, tắm rửa. Nếu để một con rắn sinh giận dữ, thì nhà vua sẽ theo phép đem ra chợ giết. Lúc ấy, người đó nghe sắc lệnh của vua, tâm sinh sợ hãi bỏ cái hòm chạy trốn, vua liền sai năm Chiên-đà-la cầm dao đuổi theo. Người ấy quay nhìn lại phía sau, thấy năm người ấy đang đuổi gấp bèn vội bỏ chạy. Lúc đó, năm người kia dùng mưu kế xấu giấu con dao rồi bí mật sai một người giả làm thân thiện mà khuyên bảo ông ta nên trở lại. Người ấy chẳng tin liền vào trong xóm làng để ẩn trốn. Lúc đã vào trong xóm làng, nhìn thấy nhà cửa đều không có người, cầm xem đồ chứa đựng thì đều rỗng không, không có vật gì; đã không thấy người, tìm đồ vật cũng không được, liền ngồi trên đất, bỗng nghe trong hũ rỗng có tiếng gọi: “Thiện nam! Làng xóm này hoang vắng không có người ở, đêm nay sẽ có sáu tên giặc lớn đến, nếu người gặp chúng thì mạng sống khó bảo toàn, người nên tìm cách tránh đi”. Lúc đó, người ấy càng thêm sợ hãi bèn bỏ đi. Giữa đường gặp dòng sông, nước sông chảy xiết, không có thuyền bè, do sợ hãi nên lấy các thứ cỏ cây kết làm chiếc bè. Liền tự suy nghĩ: “Nếu ta dừng lại ở đây sẽ bị bốn con rắn độc, năm người Chiên-đà-la mà có một người giả làm thân thiện và sáu tên giặc lớn làm nguy hại. Nếu muốn vượt qua được sông này mà chiếc bè không bảo đảm thì sẽ bị chết chìm, thà chết chìm, quyết không để rắn độc kia làm hại, liền đẩy chiếc bè cỏ xuống nước, thân nương trên bè, tay ôm, chân đạp vượt qua dòng sông, đã qua được bờ bên kia an ổn, không còn hoạn nạn, tâm ý thư thái, sợ hãi tiêu tan. Đại Bồ-tát được nghe, thọ trì kinh Đại Niết-bàn, quán xét thân như cái hòm; đất, nước, gió,

lửa như bốn rắn độc. Nhìn độc, chạm độc, hỏi độc, cắn độc, tất cả chúng sinh gặp bốn độc này nên phải mất thân mạng. Bốn đại của chúng sinh cũng như vậy, hoặc thấy là ác, hoặc xúc chạm là ác, hoặc hơi là ác, hoặc cắn là ác, do nhân duyên này nên xa lìa các điều lành. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát quán xét bốn rắn độc có bốn dòng họ: Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà-la. Rắn bốn đại này cũng như vậy, có bốn chủng tánh: tánh cứng, tánh ướt, tánh nóng, tánh động. Thế nên, Bồ-tát quán xét bốn đại cùng chủng tánh với bốn rắn độc. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát quán bốn đại này như bốn rắn độc. Quán như thế nào? Bốn rắn độc này thường rình hại người: Lúc nào sẽ nhìn, lúc nào sẽ xúc chạm, lúc nào sẽ hà hơi, lúc nào sẽ cắn. Rắn độc bốn đại cũng như vậy, thường rình chúng sinh để tìm sự sơ hở. Nếu người bị rắn độc hại chết thì không bao giờ bị đọa trong ba đường ác, nhưng nếu bị bốn đại giết thì chắc chắn sẽ bị đọa trong ba đường ác, không còn nghi ngờ. Bốn rắn độc tuy được săn sóc nuôi dưỡng nhưng cũng thường muốn giết người. Bốn đại cũng vậy, tuy thường được cung cấp nhưng cũng thường dẫn dắt người tạo các nghiệp ác. Bốn rắn độc ấy, nếu một con giận dữ thì có thể giết hại người. Tánh của bốn đại cũng như thế, nếu một đại tăng lên cũng có thể hại người. Bốn rắn độc tuy đồng ở một chỗ nhưng bốn tâm khác nhau. Rắn độc bốn đại cũng như vậy, tuy đồng một thân, nhưng tánh của mỗi đại đều khác nhau. Bốn rắn độc tuy tuân phục nhưng khó có thể gần gũi. Rắn độc bốn đại cũng như vậy, tuy tuân phục cũng khó gần. Bốn rắn độc ấy nếu lúc hại người, hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn v.v... dùng chú thuật, thuốc men thì có thể chữa trị. Nhưng bốn đại giết người tuy có Sa-môn, Bà-la-môn v.v... dùng thần chú, thuốc hay cũng không thể cứu chữa được. Như người có trí nghe mùi hôi của bốn rắn độc kinh tởm liền tránh xa. Chư Phật Bồ-tát cũng thế, nghe mùi hôi của bốn đại liền tránh xa.

Lúc ấy, Bồ-tát lại suy nghĩ về rắn độc bốn đại rất sợ hãi liền tránh xa và tu tập tám Thánh đạo.

Năm Chiên-đà-la tức là năm ấm. Thế nào là Bồ-tát quán năm ấm như Chiên-đà-la? Chiên-đà-la là thường hay khiến cho con người thương yêu mà xa lìa, oán ghét mà gặp gỡ. Năm ấm cũng vậy, khiến

người tham gần gũi pháp bất thiện, xa lìa tất cả các pháp thuần thiện. Lại nữa, này thiện nam! Như Chiên-đà-la dùng các thứ vũ khí để tự trang bị như dao, khiên, cung, tên, áo giáp, giáo có thể hại người. Năm ấm cũng vậy, dùng các phiền não kiên cố để tự trang bị giết hại những người ngu si khiến đọa vào trong ba cõi. Này thiện nam! Như Chiên-đà-la đối với người có tội lỗi thì được giết hại. Năm ấm cũng vậy, có các lỗi kiết sử thường làm hại người. Do nghĩa này nên Bồ-tát quán sát kỹ năm ấm như Chiên-đà-la.

Lại nữa, Bồ-tát quán sát năm ấm như Chiên-đà-la vì Chiên-đà-la không có tâm từ, đối với kẻ oán, người thân đều hại. Năm ấm cũng vậy, không có tâm từ bi, đối với người thiện hay ác đều làm hại. Như Chiên-đà-la làm não hại mọi người, năm ấm cũng thế, dùng các thứ phiền não thường làm não hại tất cả chúng sinh trong dòng sinh tử. Cho nên Bồ-tát quán năm ấm như Chiên-đà-la. Lại nữa, Bồ-tát quán sát năm ấm như Chiên-đà-la vì Chiên-đà-la thường ôm tâm làm tổn hại người. Năm ấm cũng vậy, thường ôm giữ tâm kiết sử làm não hại người. Như người cụt chân, không có dao, gậy, người theo hộ vệ thì nên biết chắc chắn sẽ bị Chiên-đà-la giết hại, chúng sinh cũng như vậy, không có chân, không có dao gậy, không có người theo hộ vệ thì sẽ bị giặc năm ấm làm hại. Chân là dụ cho giới, dao dụ cho tuệ, người theo hộ vệ dụ cho thiện tri thức, không có ba thứ này nên bị giặc năm ấm làm hại. Cho nên Bồ-tát quán sát năm ấm như Chiên-đà-la.

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát quán sát năm ấm còn hơn Chiên-đà-la. Vì sao? Vì nếu chúng sinh bị Chiên-đà-la giết hại thì không đọa vào địa ngục, còn nếu bị năm ấm giết hại thì sẽ đọa vào địa ngục. Do nghĩa này nên Bồ-tát quán năm ấm hơn Chiên-đà-la. Quán như vậy rồi lập thế nguyện: Ta thà trọn đời gần gũi Chiên-đà-la, chứ không thể gần gũi năm ấm trong giây lát. Chiên-đà-la chỉ có thể làm hại người ngu si ở cõi Dục, còn giặc năm ấm thì làm hại chúng sinh phạm phu khắp trong ba cõi. Người Chiên-đà-la chỉ có thể giết chết người có tội, còn giặc năm ấm thì chẳng hỏi chúng sinh có tội hay không có tội đều giết hại tất cả. Người Chiên-đà-la không hại người già yếu, phụ nữ, trẻ em, còn giặc năm ấm không kể chúng

sinh là già, trẻ hay phụ nữ tất cả đều làm hại. Cho nên, Bồ-tát quán sát kỹ năm ấm còn hơn Chiên-đà-la. Vì thế Bồ-tát lập thế nguyện, thà trọn đời gặm gỏi Chiên-đà-la, chứ không thể gặm gỏi năm ấm trong giây lát. Lại nữa, này thiện nam! Chiên-đà-la chỉ hại người khác, hoàn toàn không hại mình, còn giặc năm ấm hại mình, hại người hơn cả Chiên-đà-la. Người Chiên-đà-la có thể dùng lời nói hay, tiền của, châu báu để xin thì được thoát. Năm ấm không như vậy, không thể dùng sức mạnh, lời nói hay để dụ dỗ, hay dùng tiền của, châu báu xin mà được thoát. Người Chiên-đà-la ở trong bốn thời không hẳn luôn giết hại, còn năm ấm thì không như vậy, mà thường ở trong mỗi niệm nào hại chúng sinh. Người Chiên-đà-la chỉ ở một nơi có thể trốn xa, còn năm ấm không như vậy, ở khắp mọi nơi không thể trốn tránh được. Người Chiên-đà-la dù hại người, nhưng khi hại xong, không đuổi theo nữa, còn năm ấm chẳng phải như vậy, giết hại chúng sinh lại còn theo đuổi chẳng rời. Thế nên, Bồ-tát thà trọn đời gặm gỏi Chiên-đà-la chứ không thể trong chốc lát gặm gỏi năm ấm. Người có trí tuệ dùng phương tiện khéo léo thoát khỏi năm ấm. Phương tiện khéo léo tức là tám Thánh đạo, sáu Ba-la-mật, bốn tâm vô lượng, nhờ phương tiện này mà được giải thoát, thân và tâm không bị năm ấm làm hại. Vì sao? Vì thân như kim cương, tâm như hư không, cho nên thân, tâm này khó có thể bại hoại. Do nghĩa này nên Bồ-tát quán thấy năm ấm tạo thành vô số các pháp bất thiện, vô cùng sợ hãi nên tu tám Thánh đạo. Cũng như người kia sợ bốn rắn độc và năm Chiên-đà-la tìm đường bỏ chạy không dám nhìn lại. Kẻ oán giả làm bạn thân, đó là tham ái, Đại Bồ-tát quán sát kỹ kiết sử, tham ái giống như kẻ oán giả làm bạn thân. Nếu biết được sự thật thì nó không thể làm gì, nếu không biết thì chắc chắn sẽ bị hại. Tham ái cũng vậy, nếu biết được tánh của nó thì chúng sinh không thể bị khổ luân chuyển sinh tử. Nếu không biết được tánh của nó thì bị luân hồi trong sáu nẻo, chịu đủ các thứ khổ đau. Vì sao? Vì tham ái là căn bệnh khó chữa lành, như kẻ oán giả làm người thân khó có thể xa lìa, kẻ oán giả làm người thân thường rình rập người, khiến xa lìa người thân, gặp gỡ kẻ oán. Tham ái cũng vậy, khiến cho người xa lìa tất cả pháp thiện, gặm gỏi tất cả pháp chẳng lành. Do nghĩa này, nên

Đại Bồ-tát quán kỹ tham ái như kẻ oán giả làm người thân. Vì thấy mà không thấy, nghe mà không nghe, nên như người phàm phu thấy lỗi sinh tử, tuy có trí tuệ nhưng vì ngu si che lấp nên không thấy. Thanh văn, Duyên giác cũng như vậy, tuy thấy nhưng chẳng thấy, dấu nghe nhưng chẳng nghe. Vì sao? Vì thấy lỗi của sinh tử mà không thể mau chóng đạt đến đạo quả Bồ-đề vô thượng. Do nghĩa này, nên Đại Bồ-tát quán kiết sử tham ái giống như kẻ oán giả làm người thân. Thế nào gọi là kẻ oán giả làm người thân? Như kẻ oán không thật, giả hiện tướng thật, không thể gần gũi, giả làm tướng gần gũi, thật sự bất thiện, giả làm tướng thiện, thật chẳng thương yêu, giả làm tướng thương yêu. Vì sao? Vì nó thường rình rập người, muốn làm hại họ. Tham ái cũng như vậy, luôn vì chúng sinh chẳng phải thật mà giả là thật, chẳng gần gũi mà giả là gần gũi, chẳng phải thiện mà giả là thiện, chẳng phải thương mà giả là thương, thường lừa dối tất cả chúng sinh luân hồi trong sinh tử. Do nghĩa này nên Bồ-tát quán tham ái như kẻ oán giả làm người thân. Kẻ oán giả làm người thân chỉ thấy thân và miệng nhưng không thể thấy được tâm của họ, nên nó lừa dối được. Tham ái cũng như vậy, dấu là hư dối nhưng thật không thể biết được. Vì thế, nó có thể làm mê hoặc tất cả chúng sinh. Kẻ oán giả làm người thân có trước, có sau có thể dễ xa lìa. Tham ái không như vậy, vô thủy, vô chung, khó xa lìa được. Kẻ oán giả làm người thân ở xa thì khó biết, ở gần thì dễ biết. Tham ái không như vậy, gần gũi còn khó biết huống nữa là ở xa. Do nghĩa này nên Bồ-tát quán tham ái còn hơn kẻ oán giả làm người thân. Tất cả chúng sinh do kiết sử tham ái nên xa lìa Đại Niết-bàn, gần gũi sinh tử, xa lìa thường, lạc, ngã, tịnh, gần gũi vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh. Vì thế ở trong các kinh chỗ nào Ta cũng thường nói về ba thứ cấu uế, đối với việc hiện tại do vô minh nên không thấy tai họa, không thể xa lìa. Kẻ oán giả làm người thân không bao giờ hại được người trí. Vì thế, Bồ-tát quán sát kỹ tham ái này vô cùng sợ hãi, nên tu tập tám Thánh đạo, giống như người kia sợ bốn rắn độc, năm Chiên-đà-la và một kẻ oán giả làm người thân nên tìm đường chạy trốn, không dám nhìn lại.

Ngôi làng trống rỗng đó tức là sáu nhập. Đại Bồ-tát quán xét

nội sáu nhập trống rỗng, không có gì, như ngôi làng trống rỗng. Như người sợ hãi ấy đã vào trong làng xóm cho đến chẳng thấy một người, lục lọi khắp đồ đựng mà chẳng được một vật gì, Bồ-tát quán xét kỹ sáu nhập đều trống không, không có gì, chẳng thấy một vật có thật nào gọi là chúng sinh. Do đó, nên Bồ-tát quán xét nội sáu nhập trống không, không có gì, như ngôi làng trống không kia. Đây thiện nam! Ngôi làng trống không ấy, bọn cướp ở xa nhìn đến hoàn toàn không cho trống không. Hàng phàm phu cũng như vậy, đối với ngôi làng sáu nhập chẳng nghĩ là trống không, do chẳng nghĩ nó là trống không, nên luân hồi sinh tử chịu vô số khổ. Đây thiện nam! Bọn cướp đã đến mới thấy trống không. Cũng vậy, Bồ-tát quán xét sáu nhập này, thường sinh tưởng rỗng không nên không luân hồi sinh tử chịu khổ. Đại Bồ-tát đối với sáu nhập này thường không điên đảo, vì không điên đảo nên không trở lại trong luân hồi sinh tử. Lại nữa, đây thiện nam! Ví như có bọn cướp vào trong ngôi làng trống vắng này thì được an lạc. Các giặc phiền não cũng như vậy, vào trong sáu nhập này thì được an lạc. Như bọn cướp ở trong ngôi làng trống vắng này, tâm không còn lo sợ. Các giặc phiền não cũng như vậy, ở trong sáu nhập không còn lo sợ. Như ngôi làng trống vắng kia, chính là chỗ ở của sư tử, cọp, sói và đủ các loài thú ác khác. Nội sáu nhập này cũng như vậy, là chỗ ở của tất cả các loài thú ác phiền não. Cho nên Bồ-tát quán xét kỹ sáu nhập trống không, không có gì, thuần là chỗ ở của tất cả pháp bất thiện. Lại nữa, đây thiện nam! Đại Bồ-tát quán xét sáu nhập trống không, không có gì, như ngôi làng trống vắng kia. Vì sao? Vì nó hư dối, không thật, trống không, không có gì mà tưởng là có, thật không có sự an vui mà tưởng là có vui, thật không có người mà cho là có người. Đối với sáu nhập cũng như vậy, trống không, không có gì mà tưởng là có, thật không có sự an lạc mà tưởng cho là có sự an lạc, thật không có người mà tưởng cho là có người. Chỉ có người trí mới có thể biết được sự thật của nó. Lại nữa, đây thiện nam! Ví như ngôi làng trống vắng, hoặc có lúc có người, hoặc có lúc không có người. Còn sáu nhập thì không như vậy, hoàn toàn không có người. Vì sao? Vì tánh của nó thường rỗng không, sự nhận biết của người trí chẳng phải là do mắt thấy. Do đó Bồ-tát quán

xét nội sáu nhập có nhiều oán hại nên tu tám Thánh đạo không dừng nghỉ. Giống như người kia lo sợ bốn rắn độc, năm người Chiên-đà-la, một kẻ giả làm người thân và sáu tên cướp khùng bố nên chạy thẳng.

Sáu tên giặc cướp ấy tức là sáu trần bên ngoài. Đại Bồ-tát quán sát sáu trần này như sáu tên giặc hung dữ. Vì sao? Vì nó có thể cướp lấy tất cả pháp thiện. Như sáu tên cướp hung dữ đó có thể cướp lấy tất cả tài vật của dân chúng, giặc sáu trần cũng như vậy, có thể cướp đi tất cả tài sản thiện của chúng sinh. Như sáu tên giặc hung dữ đó, nếu vào nhà người thì có thể đoạt lấy tài vật hiện có trong nhà không lựa chọn tốt xấu, khiến cho người đang giàu có bỗng trở nên bần cùng, giặc sáu trần cũng như vậy, khi vào sáu căn thì có thể cướp đoạt tất cả pháp thiện, pháp thiện khi đã mất hết thì bần cùng, cô độc thành Nhất-xiển-đề. Thế nên Bồ-tát quán sát sáu trần như sáu tên giặc cướp. Lại nữa, này thiện nam! Như sáu tên cướp muốn vào cướp nhà người thì phải nhờ người bên trong, nếu không nhờ người bên trong thì phải trở lui, giặc sáu trần cũng như vậy, muốn cướp pháp thiện phải nhờ bên trong có chúng sinh thấy biết những tướng thường, lạc, ngã, tịnh, bất, không v.v... Nếu bên trong không có những tướng như vậy thì giặc ác sáu trần không thể cướp được tất cả pháp thiện. Người có trí bên trong không có những tướng như vậy mà phạm phu thì có, cho nên sáu trần thường đến chiếm đoạt tài sản pháp thiện của họ vì không khéo giữ gìn cho nên bị cướp. Người phòng giữ được thì được gọi là người có trí tuệ, có thể khéo giữ gìn cho nên không bị cướp. Vì thế, Bồ-tát quán sát sáu trần như sáu tên cướp giống nhau không sai khác. Lại nữa, này thiện nam! Như sáu tên cướp hung dữ có thể làm khổ não thân tâm của mọi người, giặc sáu trần này cũng như vậy, thường làm khổ não thân tâm của chúng sinh. Nhưng sáu tên giặc hung dữ chỉ có thể cướp đoạt tài sản hiện có của người, còn giặc sáu trần này thường cướp tài sản thiện của chúng sinh trong ba đời. Sáu tên giặc hung dữ đêm tối thì vui thích, giặc ác sáu trần cũng như vậy, ở chỗ vô minh tối tăm thì vui thích. Sáu tên cướp hung dữ chỉ có các vua mới có thể ngăn chặn, giặc ác sáu trần cũng như vậy, chỉ có Phật và Bồ-tát mới có thể ngăn chặn.

Sáu tên cướp hung dữ muốn cướp đoạt thì không lựa chọn người xinh đẹp, dòng họ thông minh, học rộng, hiểu nhiều, giàu sang, bản cùn, giặc ác sáu trần cũng như vậy, muốn cướp pháp thiện cũng không lựa chọn người xinh đẹp cho đến bản cùn. Sáu tên cướp tuy bị nhà vua chặt đứt tay chân, nhưng không thể làm cho chúng dứt hết tâm hung ác. Giặc cướp sáu trần cũng như vậy, tuy bị Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán chặt đứt tay chân, nhưng cũng không thể khiến cho nó không cướp mất pháp thiện. Như người có sức lực mạnh mẽ, mới có thể điều phục được sáu tên giặc cướp này. Chư Phật, Bồ-tát cũng như vậy, mới có thể điều phục được giặc ác sáu trần. Ví như người có nhiều quyến thuộc, dòng họ đông đúc thì không bị sáu tên giặc cướp cướp đoạt. Chúng sinh cũng vậy, gần gũi bậc Thiện tri thức thì không bị giặc sáu trần cướp đoạt. Sáu tên cướp hung dữ, nếu thấy tài vật của người liền chiếm đoạt. Sáu trần cũng vậy, hoặc nhìn, hoặc biết, hoặc nghe, hoặc ngửi, hoặc xúc chạm, hoặc cảm nhận thì đều có thể bị cướp đoạt. Sáu tên cướp hung dữ chỉ có thể cướp đoạt tài vật của người ở cõi Dục, nhưng không thể cướp đoạt tài vật ở cõi Sắc và Vô sắc, còn giặc sáu trần thì không như vậy, mà có thể cướp đoạt tất cả của báu lành trong ba cõi. Vì thế Bồ-tát quán sát sáu trần hơn cả sáu tên giặc cướp. Quán như vậy rồi, tu tập tám Thánh đạo, tiến thẳng không quay lại, như người kia sợ hãi bốn rắn độc, năm Chiên-đà-la, một kẻ giả làm người thân và sáu tên giặc cướp hung dữ, nên rời bỏ xóm làng trống rỗng, thẳng đường mà đi.

Giữa đường gặp một dòng sông tức là phiền não. Thế nào là Bồ-tát quán sát phiền não này như dòng sông lớn? Dòng sông chảy xiết làm trôi voi mạnh, sông phiền não chảy xiết cũng như vậy, có thể làm trôi bậc Duyên giác. Cho nên Bồ-tát quán phiền não giống như dòng sông chảy xiết, sâu thẳm khó đến được đáy, nên gọi là sông, khó đến được bờ nên gọi là lớn, ở trong dòng sông có nhiều cá dữ. Sông lớn phiền não cũng như vậy, chỉ có Phật và Bồ-tát mới có thể đạt đến chỗ tận cùng nên gọi là rất sâu, chỉ có Phật và Bồ-tát mới qua đến bờ nên gọi là sông lớn. Phiền não thường làm hại chúng sinh si mê nên gọi là dữ. Vì thế Bồ-tát quán phiền não này giống

như sông lớn. Như nước sông lớn có thể nuôi lớn cỏ cây, lùm rừng, sông lớn phiền não cũng như vậy, có thể nuôi lớn chúng sinh trong hai mươi lăm cõi. Thế nên, Bồ-tát quán phiền não này như sông lớn. Ví như có người rớt xuống dòng sông lớn mà không hổ thẹn, chúng sinh cũng vậy, rơi vào sông phiền não cũng không biết hổ thẹn. Như người rớt xuống sông chưa đến đáy mà đã chết, chúng sinh bị rơi vào sông phiền não cũng như vậy, chưa đến chỗ tận cùng mà đã bị luân hồi trong hai mươi lăm cõi. Đây nói đây là dụ cho tướng không, nếu có người không tu tướng không như vậy, thì nên biết người ấy không thể ra khỏi hai mươi lăm cõi. Tất cả chúng sinh vì không khéo tu tướng không, nên thường bị dòng sông phiền não chảy xiết cuốn trôi. Như dòng sông lớn kia chỉ có thể hại đến thân mạng, nhưng không thể nhận chìm tất cả pháp thiện. Sông lớn phiền não thì không như vậy, nó có thể làm tổn hại tất cả pháp thiện của thân tâm. Sông lớn kia chỉ có thể nhận chìm người ở trong cõi Dục, còn sông lớn phiền não thì có thể nhận chìm tất cả hàng trời, người ở trong ba cõi. Người qua sông lớn thế gian, tay ôm phao, chân đạp nước thì đến được bờ bên kia. Sông lớn phiền não chỉ có bậc Bồ-tát nhờ tu sáu Ba-la-mật mới có thể vượt qua được. Sông lớn thì khó vượt qua, sông lớn phiền não cũng như vậy, khó vượt qua được. Thế nào gọi là khó vượt qua, cho đến các bậc Đại Bồ-tát Thập trụ còn chưa thể vượt qua hoàn toàn, chỉ có chư Phật mới vượt qua hoàn toàn, cho nên gọi là khó vượt qua. Ví như có người bị nước sông cuốn trôi thì không thể tu tập một chút pháp thiện, chúng sinh cũng vậy, bị sông phiền não nhận chìm, cũng không thể tu tập pháp thiện. Như có người rơi xuống sông bị nước cuốn trôi, người khác có sức mới có thể cứu vớt được, còn chúng sinh bị rơi vào sông phiền não làm Nhất-xiển-đề thì bậc Thanh văn, Duyên giác cho đến Phật cũng không thể cứu vớt được. Sông lớn thế gian vào lúc kiếp tận, bảy mặt trời cùng chiếu, có thể làm cho khô cạn, sông lớn phiền não thì không như vậy, hàng Thanh văn, Duyên giác tuy tu tập bảy giác chi vẫn không thể làm khô cạn. Cho nên, Bồ-tát quán các phiền não giống như sông lớn.

Ví như người kia sợ bốn rắn độc, năm Chiên-đà-la, kẻ giả làm người thân và sáu tên cướp hung dữ, bỏ ngôi làng trống không thẳng

đường mà đi, đến bên sông lớn lấy cỏ làm bè, Bồ-tát cũng vậy, sợ rấn bốn đại, Chiên-đà-la năm ấm, kẻ giả làm người thân ái, ngôi làng trống rỗng sáu nhập, sáu tên cướp sáu trần đến sông phiền não tu tập Giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, sáu Ba-la-mật, ba mươi bảy phẩm trợ đạo dùng làm thuyền bè, nương vào chiếc bè này để vượt qua sông phiền não, đạt đến bờ Niết-bàn thường, lạc, ngã, tịnh.

Bồ-tát tu kinh Đại Niết-bàn suy nghĩ: “Nếu ta không thể thọ nhận sự khổ về thân và sự khổ về tâm như thế, thì không thể khiến cho tất cả chúng sinh vượt qua được sông phiền não”. Do suy nghĩ như vậy, nên tuy có khổ não của thân tâm như thế, nhưng vẫn im lặng chấp nhận, vì chấp nhận nên không sinh phiền não. Bồ-tát như vậy còn không có phiền não, huống nữa là Phật Như Lai mà có phiền não. Thế nên chư Phật không gọi là hữu lậu. Vì sao Như Lai chẳng phải là vô lậu? Vì Như Lai thường đi trong hữu lậu, hữu lậu tức là hai mươi lăm cõi. Do đó, hàng Thanh văn phạm phu cho rằng Phật còn có phiền não, nhưng chư Phật Như Lai chân thật vô lậu. Đây thiện nam! Do nhân duyên này, nên chư Phật Như Lai không có tướng nhất định.

Này thiện nam! Do vậy, người phạm bốn tội nặng, chê bai kinh điển Đại thừa và hạng Nhất-xiển-đề đều không nhất định.

Khi ấy, Đại Bồ-tát Quang minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương nói:

–Đúng vậy, đúng vậy! Đúng như lời dạy của bậc Thánh, tất cả các pháp đều không nhất định, vì không nhất định cho nên, nên biết Như Lai cũng không hoàn toàn nhập Niết-bàn. Như vừa rồi Phật dạy: “Đại Bồ-tát tu kinh Đại Niết-bàn nghe trong cái chẳng nghe, có Niết-bàn, Đại Niết-bàn”. Thế nào là Niết-bàn? Thế nào là Đại Niết-bàn?

Lúc ấy, Đức Phật khen ngợi Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương.

–Lành thay! Lành thay! Đây thiện nam! Nếu có Bồ-tát nào được niệm Tổng trì mới có thể thưa hỏi như ông. Đây thiện nam!

Như người đời cho rằng có biển, có biển lớn, có sông, có sông lớn, có núi, có núi lớn, có đất, có đất lớn, có thành, có thành lớn, có chúng sinh, có chúng sinh lớn, có vua, có vua lớn, có người, có người lớn, có trời, có trời lớn, có đạo, có đạo lớn. Niết-bàn cũng vậy, có Niết-bàn và có Niết-bàn lớn. Thế nào là Niết-bàn? Đây thiện nam! Như người đói khát được ít thức ăn gọi là an lạc, an lạc như vậy cũng gọi là Niết-bàn. Như người bệnh được lành gọi là an lạc, an lạc như vậy cũng gọi là Niết-bàn. Như người sợ hãi được nơi nương tựa, gọi là an lạc, an lạc như vậy cũng là Niết-bàn. Như người nghèo cùng được bảy thứ báu thì được an lạc, an lạc như vậy cũng gọi là Niết-bàn. Như người quán bộ xương không khởi tham dục thì được an lạc, an lạc như vậy cũng gọi là Niết-bàn. Niết-bàn như vậy không được gọi là Đại Niết-bàn. Vì sao? Vì đói khát bệnh tật, vì sợ hãi, vì nghèo cùng, vì sinh tham đắm, nên đó gọi là Niết-bàn, chẳng phải là Đại Niết-bàn. Đây thiện nam! Nếu hàng phàm phu và Thanh văn, hoặc nơi thế tục, hoặc nhân nơi Thánh đạo đoạn trừ kiết sử ở cõi Dục thì được an lạc, an lạc như vậy gọi là Niết-bàn, chẳng được gọi là Đại Niết-bàn. Có thể dứt trừ kiết sử ở cõi Sơ thiên cho đến cõi Phi tưởng phi phi tưởng thì được an lạc, an lạc như vậy gọi là Niết-bàn, chẳng được gọi là Đại Niết-bàn. Vì sao? Vì còn sinh tập khí phiền não. Thế nào gọi là tập khí phiền não? Thanh văn, Duyên giác còn có tập khí phiền não, cho rằng: Thân của ta, áo của ta, ta đi, ta đến, ta nói, ta nghe; chư Phật Như Lai nhập Niết-bàn, tánh của Niết-bàn không ngã, không lạc, chỉ có thường và tịnh, đó gọi là tập khí phiền não. Phật, Pháp, Tăng có tướng sai khác, Như Lai hoàn toàn nhập Niết-bàn, Thanh văn, Duyên giác, chư Phật Như Lai chứng đắc Niết-bàn bình đẳng không sai khác. Vì nghĩa này cho nên chỗ chứng đắc của Nhị thừa chẳng phải là Đại Niết-bàn. Vì sao? Vì không có thường, lạc, ngã, tịnh; có thường, lạc, ngã, tịnh mới được gọi là Đại Niết-bàn. Đây thiện nam! Ví như chỗ có thể dung chứa được các dòng sông mới gọi là biển cả. Chỗ có hàng Thanh văn, Duyên giác, chư Phật Như Lai chứng nhập mới gọi là Đại Niết-bàn. Tứ Thiên, ba Tam-muội, tám Giải thoát, tám Thắng xứ, mười Nhất thiết xứ nơi có thể gồm thâu vô lượng pháp thiện như vậy gọi là Đại Niết-bàn. Đây

thiện nam! Ví như có con sông, voi lớn nhất không thể lội đến đáy nên gọi là sông lớn. Hàng Thanh văn, Duyên giác cho đến Bồ-tát Thập trụ chẳng thấy Phật tánh thì gọi là Niết-bàn, chẳng phải là Đại Niết-bàn; nếu có thể thấy rõ Phật tánh thì gọi là Đại Niết-bàn. Sông lớn Đại Niết-bàn chỉ có voi chúa chư Phật mới có thể lội đến đáy. Đây thiện nam! Nếu có những đại Lực sĩ như Ma-ha-na-già và Bát-kiền-đà trải qua nhiều thời gian mà không thể leo lên được mới gọi là núi lớn. Cảnh giới mà hàng Thanh văn, Duyên giác, và các bậc Bồ-tát, đại Lực sĩ Ma-ha-na-già không thể thấy được thì mới gọi là Đại Niết-bàn. Lại nữa, đây thiện nam! Chỗ ở của Tiểu vương gọi là thành nhỏ, chỗ ở của vua Chuyển luân mới gọi là thành lớn, chỗ ở của tám vạn, sáu vạn, bốn vạn, hai vạn, một vạn Thanh văn, Duyên giác gọi là Niết-bàn, chỗ ở của Đức Pháp Chủ Thánh Vương vô thượng mới được gọi là Đại Niết-bàn.

Đây thiện nam! Ví như có người thấy bốn loại binh lính không sinh khiếp sợ, nên biết người này gọi là chúng sinh lớn. Nếu có chúng sinh đối với phiền não, nghiệp ác ở trong ba đường không sinh sợ hãi, mà có thể ở trong đó cứu độ khắp chúng sinh thì nên biết người ấy đã đắc Đại Niết-bàn. Nếu có người hay cúng dường cha mẹ, cung kính Sa-môn, Bà-la-môn, tu tập pháp thiện, nói lời thành thật không dối trá, có thể nhẫn chịu những ác hại, thường bố thí cho những kẻ bần cùng thì được gọi là bậc đại trượng phu. Bồ-tát cũng như vậy, có lòng từ bi thương yêu tất cả, đối với chúng sinh giống như cha mẹ, có khả năng cứu giúp họ qua khỏi sông sinh tử, chỉ dạy đạo Nhất thừa chân thật cho chúng sinh. Đó gọi là Đại Niết-bàn. Đây thiện nam! Gọi là Đại Niết-bàn thì không thể nghĩ bàn, nếu không thể nghĩ bàn thì chúng sinh không thể tin được, đó gọi là Đại Niết-bàn, chỉ có Phật và Bồ-tát mới thấy được nên gọi là Đại Niết-bàn. Do nhân duyên gì mà gọi là Đại? Do vô lượng nhân duyên, sau mới đạt được nên gọi là Đại. Đây thiện nam! Như người thế gian, cái mà do nhiều nhân duyên mới được thì gọi là Đại. Niết-bàn cũng như vậy, do nhiều nhân duyên mà được nên gọi là Đại. Thế nào gọi là Đại Niết-bàn? Vì có đại ngã nên gọi là Đại Niết-bàn, còn Niết-bàn là vô ngã. Vì đại tự tại nên gọi là đại ngã. Thế nào gọi là đại tự tại?

Có tám tự tại thì gọi là ngã. Những gì là tám? Một là có thể thị hiện một thân thành nhiều thân, vô số thân lớn nhỏ giống như vi trần đầy khắp vô lượng thế giới trong mười phương. Thân của Như Lai thật chẳng phải vi trần, nhờ sức tự tại nên hiện thân như số vi trần, tự tại như vậy nên gọi là đại ngã. Hai là thị hiện một thân vi trần đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới, thân Như Lai thật sự không đầy khắp ở nơi tam thiên đại thiên thế giới. Vì sao? Vì vô ngại, chỉ do tự tại nên thân hiện đầy khắp nơi ba ngàn đại thiên thế giới. Tự tại như vậy gọi là đại ngã. Ba là có thể dùng thân biến khắp ba ngàn đại thiên thế giới, bay lên hư không nhẹ nhàng vượt qua hai mươi hằng hà sa thế giới chư Phật mà không chướng ngại. Thật ra thân Như Lai không có nặng nhẹ, do sức tự tại nên có thể làm nặng nhẹ, tự tại như vậy gọi là đại ngã. Bốn là do tự tại nên được tự tại. Thế nào là tự tại? Như Lai nhất tâm an trụ bất động, có thể hóa hiện vô lượng thân hình khiến đều có tâm. Có lúc Như Lai chỉ làm một việc mà khiến cho chúng sinh thấy đều thành tựu, thân của Như Lai thường ở trong một cõi, mà làm cho tất cả chúng sinh ở cõi khác đều thấy, tự tại như vậy gọi là đại ngã. Năm là căn tự tại. Vì sao gọi là căn tự tại? Vì với một căn Như Lai cũng có thể thấy sắc, nghe tiếng, ngửi mùi, nếm vị, cảm xúc, biết pháp. Sáu căn của Như Lai cũng chẳng thấy sắc, nghe tiếng, ngửi mùi, nếm vị, cảm xúc, biết pháp. Do sức tự tại khiến căn được tự tại, tự tại như vậy gọi là đại ngã. Sáu là do tự tại nên chứng được tất cả các pháp. Tâm của Như Lai không có tướng chứng đắc. Vì sao? Vì không có chỗ chứng, nếu là có thì có thể gọi là chứng đắc, nhưng thật không có thì sao gọi là chứng đắc? Giả sử Như Lai có chấp về tướng chứng đắc thì chư Phật không đắc Niết-bàn, vì không chứng đắc nên gọi là đắc Niết-bàn. Nhờ tự tại nên chứng đắc tất cả các pháp, vì chứng đắc các pháp nên gọi là đại ngã. Bảy là diễn nói tự tại, Như Lai diễn nói nghĩa một bài kệ trải qua vô lượng kiếp, nghĩa ấy cũng không hết, đó là hoặc dạy về trì giới, hoặc thiền định, hoặc bố thí, hoặc trí tuệ, nhưng bấy giờ, Như Lai hoàn toàn không sinh ý nghĩ là Ta nói, người khác nghe, cũng không nghĩ về một bài kệ. Người đời dùng bốn câu để làm kệ. Như Lai thì thuận theo thế tục nên cũng nói kệ. Tất cả các pháp tánh cũng không

thuyết giảng, do sức tự tại nên Như Lai diễn nói, vì diễn nói nên gọi là đại ngã. Tám là Như Lai cùng khắp mọi nơi như hư không, tánh của hư không không thể thấy được. Như Lai cũng vậy, thật không thể thấy được, nhưng do tự tại nên làm cho tất cả chúng sinh đều thấy. Tự tại như vậy gọi là đại ngã. Đại ngã như vậy gọi là Đại Niết-bàn, do nghĩa này nên gọi là Đại Niết-bàn.

Này thiện nam! Ví như kho báu có nhiều đồ quý khác lạ, đầy đủ cả trăm thứ cho nên gọi là kho lớn. Tạng pháp sâu xa vi diệu của chư Phật Như Lai cũng như vậy, chứa nhiều pháp kỳ lạ, đầy đủ không thiếu, nên gọi là Đại Niết-bàn. Này thiện nam! Vật nhiều vô biên nên gọi là đại. Niết-bàn vô biên nên gọi là đại.

Này thiện nam! Vì có niềm vui lớn nên gọi là Đại Niết-bàn, Niết-bàn thì không vui, do bốn niềm vui lớn nên gọi là Đại Niết-bàn. Những gì gọi là bốn? Một là dứt các điều vui, không dứt các sự vui thì gọi là khổ. Nếu có khổ thì không gọi là vui lớn. Vì dứt sự vui nên không có khổ, không có khổ, không có vui gọi là vui lớn. Tánh của Niết-bàn không khổ, không vui, nên Niết-bàn gọi là vui lớn. Do nghĩa này nên gọi là Đại Niết-bàn.

Này thiện nam! Vui có hai thứ: một là vui của phàm phu, hai là vui của chư Phật. Vui của phàm phu thì vô thường, bại hoại nên thật là không vui. Vui của chư Phật là thường, không có sự biến đổi nên gọi là vui lớn. Này thiện nam! Có ba thứ thọ: một là cảm giác khổ, hai là cảm giác vui, ba là cảm giác không khổ không vui, không khổ không vui cũng là khổ. Niết-bàn chẳng đồng với không khổ không vui mà gọi là vui lớn. Do vui lớn nên gọi là Đại Niết-bàn. Hai là vì vô cùng tịch tĩnh nên gọi là vui lớn, tánh của Niết-bàn là vô cùng tịch tĩnh. Vì sao? Vì xa lìa tất cả sự ồn ào, do vô cùng tịch tĩnh nên gọi là Đại Niết-bàn. Ba là vì biết tất cả nên gọi là vui lớn, chẳng biết tất cả nên không được gọi là vui, chư Phật Như Lai biết tất cả nên gọi là vui lớn, do vui lớn nên gọi là Đại Niết-bàn. Bốn là vì thân không hoại nên gọi là vui lớn, nếu thân có hoại thì không gọi là vui. Thân Như Lai là thân kim cang bất hoại, chẳng phải là thân phiền não, chẳng phải thân vô thường, cho nên gọi là vui lớn. Do vui lớn nên gọi là Đại Niết-bàn

Này thiện nam! Tên của thế gian, hoặc có nhân duyên, hoặc không có nhân duyên. Có nhân duyên thì như Xá-lợi-phất, tên mẹ là Xá-lợi, nhân tên của mẹ mà đặt tên nên gọi là Xá-lợi-phất. Như đạo nhân Ma-du-la sinh ra ở nước Ma-du-la, nhân tên nước mà đặt tên là đạo nhân Ma-du-la. Như Mục-kiền-liên, Mục-kiền-liên là họ, nhân nơi họ mà đặt tên nên gọi là Mục-kiền-liên. Như Ta sinh ra trong dòng họ Cù-đàm, nhân họ mà đặt tên gọi là Cù-đàm. Như đạo nhân Tỳ-xá-khư, Tỳ-xá-khư là tên một ngôi sao, nhân ngôi sao mà đặt tên là Tỳ-xá-khư. Như người có sáu ngón, nhân nơi sáu ngón mà gọi là người sáu ngón. Như Phật nô, Thiên nô, nhân Phật, nhân Thiên nên gọi là Phật nô, Thiên nô. Như sinh ra nơi chỗ ẩm thấp nên gọi là thấp sinh. Như nhân nơi tiếng mà gọi là Ca-ca-la, Cứu-cứu-la, Đát-đát-la. Những tên như vậy là do nhân duyên mà đặt tên. Không do nhân duyên thì như hoa sen, đất, nước, gió, lửa, hư không. Như một tên Mạn-đà-bà chỉ cho hai vật: một là điện đường, hai là uống nước. Nhà không uống nước cũng được gọi là Mạn-đà-bà, như Tát-bà-xa-đa gọi là Xà-cái, nhưng thật chẳng phải Xà-cái. Đó gọi là không có nhân duyên mà gượng đặt tên. Như Để-la-bà-di gọi là dầu ăn, thật ra chẳng phải dầu ăn mà gượng đặt tên là dầu ăn. Đó gọi là không có nhân duyên mà gượng đặt tên. Thiện nam! Đại Niết-bàn cũng giống như vậy, không có nhân duyên mà gượng đặt tên. Thiện nam! Ví như hư không, không nhân nơi tiểu không mà gọi là đại không. Niết-bàn cũng như vậy, không nhân nơi tướng nhỏ mà gọi là Đại Niết-bàn. Này thiện nam! Ví như có pháp không thể tính kể, không thể nghĩ bàn cho nên gọi là đại. Niết-bàn cũng như vậy, không thể tính kể, không thể nghĩ bàn nên gọi là Đại Niết-bàn, vì hoàn toàn thanh tịnh nên gọi là Đại Niết-bàn. Thế nào là hoàn toàn thanh tịnh? Tịnh có bốn loại. Những gì là bốn? Một là hai mươi lăm cõi gọi là bất tịnh, có thể đoạn trừ hoàn toàn nên gọi là tịnh. Tịnh tức là Niết-bàn. Niết-bàn như vậy cũng được gọi là có, nhưng thật ra Niết-bàn chẳng phải có. Chư Phật Như Lai vì tùy theo thế tục nên nói có Niết-bàn. Ví như người thế gian chẳng phải cha gọi là cha, chẳng phải mẹ gọi là mẹ, thật chẳng phải là cha mẹ mà nói là cha mẹ. Niết-bàn cũng vậy, tùy theo thế tục nên nói chư Phật có Đại Niết-bàn. Hai là do nghiệp

thanh tịnh. Nghiệp của tất cả phàm phu không thanh tịnh nên không có Niết-bàn. Nghiệp của chư Phật Như Lai thanh tịnh nên gọi là đại tịnh. Do đại tịnh nên gọi là Đại Niết-bàn. Ba là do thân thanh tịnh. Nếu thân vô thường thì gọi là bất tịnh. Thân Như Lai là thường nên gọi là đại tịnh, do đại tịnh nên gọi là Đại Niết-bàn. Bốn là do tâm thanh tịnh, tâm nếu có lậu hoặc thì gọi là bất tịnh. Tâm của Phật không có lậu hoặc nên gọi là đại tịnh, do đại tịnh nên gọi là Đại Niết-bàn. Này thiện nam! Đó gọi là Thiện nam, thiện nữ nhân tu hành kinh Đại Niết-bàn này thành tựu đầy đủ công đức phần đầu.

